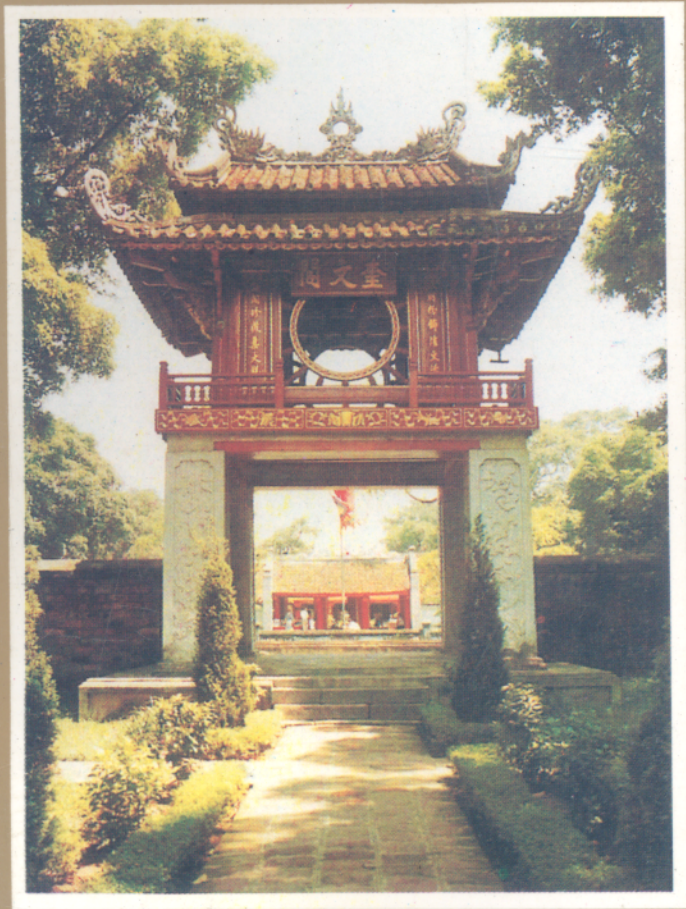


PHAN NGOC



BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

"Phải làm thế nào cho văn hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm thế nào cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng. Văn hóa phải làm thế nào cho mỗi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà, ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc của mình nên được hưởng".

Hồ Chí Minh

(Bài nói chuyện tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc)

*Kính dâng hương hồn người Cha chúng con, của
những đứa con còn sống hay đã chết để biết ơn nền
văn hóa Cha để lại cho chúng con.*

PHAN NGỌC

BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – THÔNG TIN

Hà Nội – 1998

LỜI NÓI ĐẦU

Công trình "*Bản sắc văn hóa Việt Nam*" góp phần xây dựng một ngành khoa học đang trên đà hình thành là văn hóa học, nhằm cung cấp một số khái niệm cho ngành này để nghiên cứu bản sắc văn hóa Việt Nam.

Từ trước đến nay, có vô số công trình đã viết về văn hóa. Nhưng trong các công trình đã xuất bản, thường thiếu một sự nhất quán về phương pháp, khái niệm. Nếu như các mặt được xem là thuộc về văn hóa như xã hội, chính trị, giáo dục, văn học, nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng... được trình bày, thì người đọc có cảm tưởng là lấy ở những ngành khoa học hữu quan rồi đưa vào sau khi đã rút lại cho gọn. Người đọc không thấy cái mặt văn hóa của các phương diện này.

Theo người viết, để làm điều này, phải lo xây dựng hệ thống khái niệm của văn hóa học cho nhất quán : các khái niệm này đều phải có giá trị thao tác (opérationnel) tức là cho phép ta hành động có kết quả chứ không phải chỉ cung cấp kiến thức.

Các định nghĩa thao tác luận của các khái niệm trong văn hóa học phải nhất quán với nhau hết như những định nghĩa trong các khái niệm của toán học; đồng thời phải khiến người ta có thể dựa vào đấy mà tìm được đặc trưng của văn hóa không lẫn lộn với bất kỳ đối tượng nào của mọi ngành khoa học. Không những thế, nó sẽ giúp cho ta hiểu "tại sao" ở Việt Nam chẳng hạn, từng mặt của văn hóa như chính trị, văn học... lại có những nét riêng khác ở một nền văn hóa khác, như văn hóa Trung Hoa, văn hóa Pháp chẳng hạn. Nó lại phải có giá trị thực tiễn, cho phép ta tìm được phương pháp nghiên cứu, bảo vệ, đổi mới và phát huy văn hóa Việt Nam phù hợp với thời đại và yêu cầu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Trong công trình này, chúng tôi có thử đưa ra một số khái niệm như văn hóa, tiếp xúc văn hóa, khúc xạ, giao lưu, bản sắc, tâm thức... Các khái niệm này thực tế không phải của riêng văn hóa học, nhưng một khi được chấp nhận là những công cụ của văn hóa học, chúng đều phải được lý giải nhất quán theo yêu cầu của văn hóa học để phục vụ cách làm việc riêng của ngành.

Như vậy, công trình từ đầu đến cuối mang tính bình luận (critique) mà không phải là công trình miêu tả. Người viết không xét văn hóa ở cấp độ hiện tượng như phần lớn các công trình đã có, mà xét ở cấp

độ quan hệ, với tính cách biểu hiện của những quan hệ có mặt trong tâm thức con người với tính cách người. Cách làm của người viết khảo sát các hiện tượng được xem là thuộc về văn hóa để tìm hiểu tâm thức của chính mình, tìm cho ra cái nhu cầu bất biến của tâm thức mình, rồi sau đó dùng nhu cầu này để lý giải các hiện tượng. Chẳng hạn, nhu cầu lựa chọn là một nhu cầu bất biến. Dân tộc Việt Nam có một kiểu lựa chọn riêng, đáp ứng những nhu cầu nội tâm riêng, không giống nhu cầu nội tâm của các tộc người khác. Các nhu cầu như ăn, mặc, ở, có gia đình, có của cải... là chung cho mọi người. Song cách lựa chọn lại khác nhau ở từng tộc người.

Người Việt Nam trong lịch sử biểu lộ những kiểu lựa chọn riêng trong ăn mặc, sống, ở, không giống như các tộc người khác, đồng thời cũng có những nhu cầu riêng về hạnh phúc không giống các tộc người khác, tuy tộc người nào cũng có nhu cầu hạnh phúc cả. Các biểu hiện của nhu cầu thay đổi và rất đa dạng nhưng vì tâm thức không thay đổi cho nên kiểu lựa chọn có những quan hệ không thay đổi.

Do đó, công trình mở đầu bằng Phần I "*Những khái niệm mở đầu*", gồm 4 chương :

Chương I "*Văn hóa và bản sắc văn hóa*" với tính cách chương giới thiệu.

Chương II : "*Bản sắc văn hóa Việt Nam, cách tiếp cận*", sử dụng một số khái niệm đã nêu lên ở

Chương I để tiếp cận một nền văn hóa cụ thể là văn hóa Việt Nam. Chương này nêu lên bốn yêu cầu bất biến của tâm thức Việt Nam là Tổ quốc, Gia đình - Làng xã, Thân phận và Diện mạo với tính cách những sự lựa chọn rất tiêu biểu cho văn hóa Việt Nam.

Chương III, nêu lên *"Sự khác nhau giữa văn hóa Trung Quốc và văn hóa Việt Nam"* giới thiệu một nền văn hóa rất quen thuộc với chúng ta, là văn hóa Trung Hoa để thấy, tuy ở cấp độ hiện tượng hai nền văn hóa có nhiều điểm giống nhau, nhưng ở cấp độ quan hệ lại là hai kiểu lựa chọn rất khác nhau.

Chương IV : *"Bề dày của văn hóa Việt Nam"*, giúp người đọc có ý thức trong việc bảo vệ và phát huy văn hóa của mình.

Vì trình độ có hạn, người đọc chưa dám đề cập tới văn hóa XHCN, văn hóa Mỹ, văn hóa hậu công nghiệp.

Sau một loạt chương chỉ có mục đích giới thiệu khái niệm, chúng tôi thử sử dụng hệ thống khái niệm này để khảo sát một số lĩnh vực cụ thể theo yêu cầu phương pháp luận của ngành. Đó là phần II *"Giao lưu văn hóa"* gồm 6 chương :

Chương V : *"Bản sắc văn hóa Việt Nam trong giao lưu văn hóa, nền tảng của giao lưu quốc tế"*, khẳng định một khái niệm mới *"Giao lưu văn hóa"* và

trách nhiệm của mỗi người trong cuộc giao lưu mới này.

Chương VI : "*Khổng học, quan hệ của nó với thời đại mới*" giới thiệu Khổng học ở trong nguồn gốc rất khác điều ta vẫn quan niệm về Nho giáo, và địa vị của nó trong giai đoạn mới của thế giới.

Chương VII : "*Đạo Nho Việt Nam, một sự khúc xạ*" để khẳng định ngay trong Nho giáo, cách lựa chọn của Việt Nam không giống như cách lựa chọn của Trung Hoa.

Chương VIII : "*Chế độ học tập ngày xưa*", khảo sát cách đào tạo nhân tài ngày xưa, hy vọng cung cấp những suy nghĩ trong việc đào tạo nhân tài sao cho thích hợp với thời đại mới.

Chương IX : "*Tri thức Việt Nam xưa với văn hóa*" trình bày kiểu lựa chọn đã nói ở chương trên, dựa trên gần 6000 quyển sách của Viện Hán Nôm nhằm cung cấp một cái nhìn số lượng để chứng minh sự khúc xạ cũng như những ảnh hưởng văn hóa Hán một cách thực chứng.

Chương X : "*Sơ lược về Đạo giáo Trung Hoa*" trình bày Đạo giáo về lịch sử của nó ở Trung Hoa, nhằm mục đích nêu lên độ khúc xạ ở chương sau.

Chương XI : "*Tín ngưỡng Việt Nam qua tiếp xúc với Đạo giáo Trung Hoa*". Mục đích chương này là để chứng minh tại sao tín ngưỡng Việt Nam lại có

những thay đổi khá đột ngột so với cái gốc của nó ở Trung Quốc.

Chúng tôi chưa có điều kiện viết về Phật giáo. Chúng tôi dự định khi về hưu sẽ đến một ngôi chùa học đạo Phật để viết. Một ngành khoa học, nếu được xây dựng đúng phương pháp, sẽ cấp cho ta chìa khóa để giải thích những hiện tượng hiện còn ở ngoài phạm vi của nó. Ai cũng biết những đóng góp của xã hội học, nhân loại học, kinh tế học trong các khoa học nhân văn và khoa học xã hội. Nếu như văn hóa học là một khoa học, thì tất yếu nó sẽ góp phần vào các khoa học khác để giới thiệu mặt văn hóa của các bộ môn này.

Do đó, công trình có phần III : "*Cách nhìn văn hóa học*" sử dụng những khái niệm của văn hóa học để khảo sát một số vấn đề còn được tranh cãi, mong góp cách tiếp cận của ngành khoa học mới. Nó gồm 3 chương :

Chương XII : "*Truyền thống quân sự Việt Nam, nền tảng của mọi thắng lợi quân sự*", để góp phần soi sáng khoa học quân sự Việt Nam.

Chương XIII : "*Tư tưởng Hồ Chí Minh, đỉnh cao của văn hóa dân tộc*" nhằm xây dựng cơ sở cho "*nhân cách luận cách mạng*" mà người viết cho là cốt lõi tư tưởng của Bác và cơ sở để tiến hành tiếp xúc văn hóa trong giai đoạn hậu công nghiệp.

Chương XIV : "*Tiếp xúc văn hóa Việt-Pháp*" để giới thiệu cách nhìn văn hóa học đối với văn học.

Phần IV : "*Báo vệ và phát huy văn hóa*", nhằm mục đích giới thiệu cách làm việc mà theo tác giả là có lợi để bảo vệ văn hóa XHCN. Nó gồm 2 chương :

Chương XV : "*Cách phát huy văn hóa trong cuộc tiếp xúc văn hóa hiện nay*".

Chương XVI : "*Ưu thế của văn hóa Việt Nam trong giai đoạn kinh tế thị trường*".

Công trình này là tiếp tục công trình "*Văn hóa Việt Nam, cách tiếp cận mới*" (NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1991) để mở đường cho những công trình tiếp theo về tiếp xúc văn hóa Việt - Hoa, tiếp xúc văn hóa Việt-Pháp sẽ xuất bản.

Từng chương một đều có tính độc lập riêng và có thể đọc riêng. Do đó, người đọc không khỏi nhìn thấy có những điều lặp lại. Trong hoàn cảnh một khoa học trên đường hình thành, điều này là không tránh khỏi. Khi hệ thống khái niệm cơ bản còn chưa được chấp nhận, bắt buộc phải lặp lại nội dung một vài khái niệm để cho việc đọc dễ dàng.

Mọi bài viết của tôi dù dài hay ngắn đều hết sức giản dị. Nó chỉ có hai chữ *Thức nhận* (prise de conscience) và *Thao tác* (opération). Hai chữ này xét theo *quan điểm bình luận, cuối cùng chỉ rút về có một*

chữ : lựa chọn. Đây là cách lựa chọn của cá nhân người viết.

Thực tình, các bài viết này lúc đầu chỉ cốt viết ra để trả lời những bản khoản của người viết, mà không có tham vọng công bố. Trong hoàn cảnh mở cửa, thấy những bản khoản của mình cũng là bản khoản chung của thế hệ người viết, thế hệ hiện nay trên dưới 70, cho nên chúng tôi mạnh dạn công bố. Người viết là một người tự học trong những hoàn cảnh việc tự học không dễ. Trong hoàn cảnh khó tiếp thu những hiểu biết từ ngoài, tôi bó hẹp vào việc tìm hiểu chính mình cho chu đáo, rồi kiểm tra chính mình qua những thay đổi trong cuộc sống, những tài liệu triết học, dân tộc học, nhân loại học, ngôn ngữ học để hiểu "tại sao" tôi có những cảm nghĩ không giống như điều các nhà học giả đã viết. Là người thất học, tôi biết dù cố gắng đến đâu, công trình chắc chắn có nhiều thiếu sót. Tôi chỉ hi vọng những cố gắng tìm hiểu chính mình khá nghiêm túc suốt một đời sẽ giúp các bạn hiểu được chính các bạn.

Cho phép tôi nhắc đến bốn người đã giúp tôi trên con đường tự học, bốn tấm gương tự học. Trước hết là cha tôi, Phan Võ, người đã dạy cho tôi chữ Hán và những hiểu biết của tôi về văn hóa Việt Nam, văn hóa Hán chủ yếu là nhờ cha tôi ; bác Cao Xuân Huy, nhà Hán học lỗi lạc của Đông Nam Á; anh Trần Đức Thảo nhà triết học đã giúp tôi hiểu triết học Đức ;

thầy Hoàng Xuân Hãn, tuy không dạy tôi nhưng những tác phẩm của thầy là những công trình mẫu mực đã giúp tôi trên đường nghiên cứu. Tôi chỉ may mắn hơn các vị tiền bối là được sống trong sự đổi mới của đất nước mà các vị tiền bối không kịp thấy hay không có dịp góp phần.

Tôi cảm ơn các giáo sư Nguyễn Khắc Phi, Nguyễn Nguyên Trứ, Trần Thanh Đạm đã đọc bản thảo và góp những ý kiến bổ ích. Đặc biệt, cảm ơn chị Huỳnh Phan Thanh Trà đã chịu khó giúp tôi trong công tác sửa chữa những sai sót trong văn bản. Con người lo tìm hiểu mình, chắc chắn khó lòng làm mọi người vừa lòng. Tôi cũng biết vậy cho nên cứ nấn ná mãi. Hi vọng công trình này, cũng như các công trình kế tiếp sẽ cung cấp một cái nhìn có ích về phương pháp. Còn chuyện đi sâu vào từng vấn đề là chuyện thế hệ trẻ, và của những người trong nước và ngoài nước có điều kiện học tập, tìm hiểu, điều tra hơn tôi.

Tháng 10 năm 1998

Phan Ngọc

Phần thứ I

NHỮNG KHÁI NIỆM MỞ ĐẦU

Chương I

VĂN HÓA VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA

Hiện nay đâu đâu cũng bàn đến văn hóa. Trong hoàn cảnh hiện nay của một thế giới mở cửa, văn hóa được mọi người chú ý, tầm quan trọng của văn hóa được nêu lên hàng đầu. UNESCO thừa nhận văn hóa là cội nguồn trực tiếp của phát triển xã hội, có vị trí trung tâm và đóng vai trò điều tiết xã hội. Trong những nước tiên tiến, sự chi tiêu cho văn hóa ngày càng lớn, vượt cả sự chi tiêu để sinh sống. Kinh doanh văn hóa trở thành một ngành lớn đem lại thu nhập không kém thu nhập công nghiệp và thương nghiệp.

Tiếc rằng, cho đến nay chưa có một định nghĩa thống nhất về văn hóa. Để xây dựng một ngành khoa

học về văn hóa nhằm bảo vệ và phát huy văn hóa, đồng thời để kinh doanh, nâng cao mức sống nhân dân, cần phải có một định nghĩa thích hợp. Nếu cho văn hóa là lối sống, là một tập hợp những ngành khác nhau như tôn giáo, tín ngưỡng, văn học, nghệ thuật thì không ổn, bởi vì ta không thể căn cứ vào đó rút ra một tiêu chí gì chung, bất biến mà chỉ văn hóa có mà thôi.

Trước hết, văn hóa không phải là một vật. Không có một vật gì chỉ là văn hóa mà không đồng thời không là cái gì khác nữa. Thứ hai, không có cái gì lại không có cái mặt văn hóa của nó. Môi trường thiên nhiên hiện nay cũng có mặt văn hóa. Nhiều nước có một loại chính đảng mới trước đây không hề có gọi là "*Đảng Xanh*" lo bảo vệ môi trường thiên nhiên, cải thiện nó vì phúc lợi của con người. Văn học, chẳng hạn, nếu nghiên cứu sự phát triển ở bản thân nó là thuộc ngành khoa học riêng, nhưng văn học không chỉ phát triển tự thân mà còn chịu ảnh hưởng của tâm thức để đáp ứng những yêu cầu của tâm thức. Chẳng hạn, văn học Việt Nam trước sau là để trả lời những yêu cầu của người Việt Nam về tổ quốc, gia đình, thân phận, diện mạo của người Việt Nam ; các yêu cầu này được giải quyết khác nhau theo từng giai đoạn lịch sử cụ thể, nhưng có mặt trong mọi giai đoạn. Đó là mặt văn hóa học của văn học. Một nền văn học ở một nước khác thì lại có những yêu cầu khác. Văn học châu Âu chẳng hạn thường nói đến

Thượng đế, linh hồn, ý thức cá nhân, nhân loại là những chủ đề văn học Việt Nam không bàn đến, ít nhất là trước 1930. Như vậy là mỗi nền văn học đều có cái mặt văn hóa học của nó. Khi nghiên cứu bất kỳ bộ môn nào mà ta bỏ qua mặt văn hóa học của nó, thì thực tế ta đang lâm vào một tình trạng khoanh vùng khá võ đoán.

Về triết học, lại càng rõ. Nhiều nhà triết học phương Tây không cho Khổng Tử là nhà triết học. Hai vấn đề chủ chốt của triết học Phương Tây là lí luận về nhận thức và thế giới quan, theo họ - đây là theo họ - không có trong Khổng Tử. Còn các lí luận của Khổng tử về tu thân, chữ nhân, chữ hiếu... thì theo Hegel đánh giá trong quyển *"Những bài giảng về lịch sử triết học"* chẳng có giá trị triết học. Điều này chứng tỏ sự có mặt của văn hóa học là cần thiết như thế nào cho phương Đông và phương Tây hiểu được nhau.

1. Một định nghĩa thao tác luận về văn hóa.

Chúng ta cần phải có một định nghĩa thao tác luận về văn hóa. Một định nghĩa theo kiểu này cho phép ta:

(1) Nắm được cái mặt gọi là văn hóa trong mọi hiện tượng hết sức khác nhau. Vì văn hóa không phải là một vật có thể phân xuất ra như cây cỏ trong thực vật học, cũng không có cái gì lẫn lộn được với nó.

(2) Nắm trong tay những biện pháp để đổi mới

văn hóa, tạo nên những đồ vật có giá trị văn hóa đem đến thu nhập trong kinh doanh, đồng thời bảo vệ được văn hóa.

Một khi văn hóa không phải là một đồ vật, mà là một quan hệ, có mặt ở mọi tộc người và chỉ ở con người mà thôi, thì không thể nào tìm một định nghĩa về văn hóa ở các ngành khoa học tự nó đã chia cắt loài người ra thành những tập đoàn khác nhau như dân tộc học, xã hội học, kinh tế học, chính trị học. Cần phải tìm nó ở những khoa học nghiên cứu loài người một cách tổng thể như tâm lý học, triết học.

Con người có một kiểu lao động riêng : anh ta tạo nên một sản phẩm theo cái mô hình trong óc anh ta. Nghiên cứu sản phẩm ở ngoài cái mô hình trong óc anh ta là chuyện của khoa học, kỹ thuật, chính trị, kinh tế, pháp luật. Nghiên cứu cái mô hình trong óc anh ta là chuyện của triết học, văn học, nghệ thuật. Còn nghiên cứu mối quan hệ giữa cái mô hình trong óc với cái mô hình anh ta tạo ra là chuyện của văn hóa học. Khi làm điều đó, khái niệm đầu tiên mà văn hóa học bắt gặp là *kiểu lựa chọn*. Trong mỗi quan hệ này, giữa các kiểu mô hình, mỗi tộc người có một kiểu lựa chọn khác nhau.

Đã gọi là kiểu lựa chọn thì không có sự bắt buộc dứt khoát phải thế này hay thế khác. Ăn là một nhu cầu chung của con người. Nhưng kiểu lựa chọn xuất hiện ngay trong cách ăn : ta có cách ăn bốc, ăn dũa,

ăn thìa, ăn dao nĩa. Không bàn đến chuyện cách ăn nào là hay hơn, chỉ biết mỗi tộc người cho cách ăn của mình là ngon miệng hơn. Đối xử như thế nào với một người chết? Có những cách lựa chọn khác nhau: địa táng (chôn dưới đất), thủy táng (thả xuống nước), hỏa táng (đốt thành tro), điều táng (để xác cho chim ăn thịt), ướp xác, tượng táng (biến xác chết thành bức tượng quét sơn lên để giữ). Chôn một lần, chôn hai lần. Chôn trong nghĩa địa riêng của gia đình hay chôn chung không phân biệt. Mỗi cách lựa chọn như vậy đều có một lý thuyết riêng bên vực cho nó và có những nghi lễ riêng khẳng định tính ưu việt của nó.

Không có văn hóa tự túc, văn hóa nào cũng cần đến sự giao tiếp để phát triển. Nhưng giao tiếp văn hóa trước hết là bắt gặp những kiểu lựa chọn khác mình và thế nào cũng có sự pha trộn về kiểu lựa chọn. Có khi kiểu lựa chọn mới thắng kiểu lựa chọn có sẵn. Trên người tôi, từ đầu tóc, quần áo, cho đến giày dép đều bắt nguồn từ phương Tây. Mặc dầu thế, những thay đổi này không mấy may ảnh hưởng đến yêu cầu của tâm thức tôi là đất nước độc lập, gia đình hòa thuận, thân phận đảm bảo và diện mạo được tôn trọng và để đạt được những mục đích này tôi phải chọn một kiểu sống khác lối sống chạy theo tiền tài, quyền lực. Tôi phải biết làm chủ những ham muốn của mình.

Vậy tôi có thể đưa ra định nghĩa sau đây :

Văn hóa là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng trong óc một cá nhân hay một tộc người với cái thế giới thực tại ít nhiều đã bị cá nhân này hay tộc người này mô hình hóa theo cái mô hình tồn tại trong biểu tượng. Điều biểu hiện rõ nhất chứng tỏ mối quan hệ này, đó là văn hóa dưới hình thức dễ thấy nhất, biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của cá nhân hay tộc người, khác các kiểu lựa chọn của các cá nhân hay các tộc người khác.

Trong định nghĩa này, không nói đến lịch sử, mà chỉ xét mặt bên ngoài của cái hiện tượng độc đáo mang tên văn hóa mà thôi. Chỉ cần nhìn ta cũng thấy các cá nhân cũng như các tộc người có vô số kiểu lựa chọn khác nhau trong ăn mặc, nhà ở, gia đình, lối sống, tổ chức xã hội, khoa học kỹ thuật. Và người ta dễ dàng chuyển từ cách lựa chọn này sang cách lựa chọn khác, đồng thời không có một cá nhân nào, một tộc người nào hiện nay chỉ theo một cách lựa chọn duy nhất. Nếu chỉ nhìn ở khía cạnh biểu hiện mà thôi thì văn hóa sẽ là một cái gì hết sức hời hợt, chốc lát, mong manh. Nhưng thực tế không phải như vậy. Tuy một cá nhân, một tộc người có thể có vô số kiểu lựa chọn khác nhau, tùy theo sở thích ; nhưng khi nhìn kỹ ta sẽ thấy có những yêu cầu, *những mục đích bất biến* tạo thành bản sắc văn hóa, chứ không phải là những biểu hiện khác nhau của các kiểu lựa chọn. Trong phần nói đến bản sắc, chúng tôi sẽ nêu lên những yêu cầu bất biến, ở đây tạm thời chúng ta

chấp nhận cách lí giải sơ bộ này để khỏi lẫn lộn văn hóa với cái chỉ là một mặt của văn hóa (tôn giáo, tín ngưỡng, văn học...), để khỏi lẫn lộn cách nhìn của văn hóa học với cách nhìn của các bộ môn khác.

2. Độ khúc xạ. Không có một phát minh, một khái niệm nào mà không trải qua những thay đổi, những cải tiến, những bổ sung qua trường kỳ lịch sử để trở thành vô cùng đa dạng. Xét về khía cạnh tiếp thị, không phải dân tộc nào phát minh thì sẽ chiếm ưu thế trên thị trường và đem đến giàu có cho đất nước, mà dân tộc nào biết tiếp thị rồi cải tiến đến mức độ cao nhất, từ đó tạo nên thị trường có tính chất thế giới, để rồi sau đó thế giới gần như chỉ biết có dân tộc này thôi. Chè là sản phẩm xuất phát từ Đông Nam Á. Nhưng khi người Trung Quốc tiếp nhận, do sức mạnh của văn hóa Trung Quốc, trên thế giới có con đường chè làm cho Trung Quốc giàu có, làm thành sự say mê của cả thế giới cho đến ngày nay. Nói khác đi, một phát minh, một tu tưởng, thế nào cũng khúc xạ khác nhau qua những nền văn hóa khác nhau. Ai thực hiện được sự khúc xạ thành công nhất, người ấy thắng. Cho nên nghiên cứu văn hóa theo quan điểm văn hóa học *cần phải chú ý đến độ khúc xạ*. Đạo Phật sinh ra ở Ấn Độ nhưng vấp phải hàng rào đẳng cấp bất rề sâu sắc trong đạo Bà La Môn, rồi Ấn Độ giáo, nên sau đó lụi tàn. Trái lại, những hòa thượng chân đất của Ấn Độ đã hoán cải cả Đông Á và Đông Nam Á, vì ở đây không có hàng rào